|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG AN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|  | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|  |  |
| Số:……. /2024/TT-BCA | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |
| Dự thảo |  |

THÔNG TƯ

Quy định về giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ

chuyên môn, chức danh, định biên thuyền viên trên phương tiện thủy

và đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy trong Công an nhân dân

*Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 31 tháng 12 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;*

*Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, chức danh, định biên thuyền viên trên phương tiện thủy và đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy trong Công an nhân dân.*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn; chức danh, định biên thuyền viên trên phương tiện thủy Công an nhân dân; trách nhiệm của thuyền viên, người lái phương tiện, người lái xuồng máy Công an nhân dân; đào tạo, thi, cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy trong Công an nhân dân.

2. Các quy định về chức danh và nhiệm vụ theo chức danh của thuyền viên; đăng ký thuyền viên; định biên an toàn tối thiểu; tiêu chuẩn chuyên môn và chứng chỉ chuyên môn của thuyền viên làm việc trên tàu biển Công an nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công an các đơn vị, địa phương.

2. Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó, thủy thủ, thợ máy, người lái phương tiện, người lái xuồng máy làm việc trên phương tiện thủy Công an nhân dân.

3. Cơ quan quản lý, đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân.

4. Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân, học viên các trường Công an nhân dân (sau đây viết gọn là cán bộ, chiến sĩ).

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN,

CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN, CHỨC DANH, ĐỊNH BIÊN THUYỀN VIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN, NGƯỜI LÁI XUỒNG MÁY CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 3. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện, người lái xuồng máy

1. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được phân thành hạng nhất (T1), hạng nhì (T2), hạng ba (T3) và hạng tư (T4).

2. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được phân thành hạng nhất (M1), hạng nhì (M2) và hạng ba (M3).

3. Chứng chỉ chuyên môn, bao gồm:

a) Chứng chỉ thủy thủ (TT);

b) Chứng chỉ thợ máy (TM);

c) Chứng chỉ lái phương tiện (LPT);

d) Chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc (ĐKCT);

đ) Chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển (ĐKVB);

e) Chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân (LXM).

4. Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn do ngành Giao thông vận tải và Quốc phòng cấp có giá trị sử dụng trong ngành Công an.

5. Chứng chỉ lái xuồng máy Công an không xác định thời hạn.

Điều 4. Chức danh thuyền viên, tiêu chuẩn chức danh thuyền viên, người lái phương tiện, người lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Chức danh thuyền viên bao gồm: Thuyền trưởng, thuyền phó, máy trưởng, máy phó, thủy thủ, thợ máy.

2. Tiêu chuẩn thuyền viên, người lái phương tiện, người lái xuồng máy:

a) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân;

b) Có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với chức danh, loại phương tiện đảm nhiệm.

Điều 5. Đảm nhiệm chức danh thuyền viên, người lái phương tiện, người lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng tư được đảm nhiệm chức danh thuyền trưởng của các loại phương tiện sau:

a) Phương tiện chở người có sức chở đến 20 người;

b) Phư­ơng tiện chở hàng có trọng tải toàn phần đến 100 tấn;

c) Phư­ơng tiện không thuộc loại quy định tại điểm a và b khoản này lắp máy trong có tổng công suất máy chính đến 100 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 400 sức ngựa.

2. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba đ­ược đảm nhiệm chức danh thuyền tr­ưởng của các loại phương tiện sau:

a) Phương tiện chở người có sức chở đến 50 người;

b) Phư­ơng tiện chở hàng có trọng tải toàn phần đến 500 tấn;

c) Phư­ơng tiện không thuộc loại quy định tại điểm a và b khoản này lắp máy trong có tổng công suất máy chính đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa.

3. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhì đư­ợc đảm nhiệm chức danh thuyền tr­ưởng của các loại phương tiện sau:

a) Phương tiện chở người có sức chở đến 100 ngư­ời;

b) Phư­ơng tiện chở hàng có trọng tải toàn phần đến 1000 tấn;

c) Phư­ơng tiện không thuộc loại quy định tại điểm a và b khoản này lắp máy trong có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 3000 sức ngựa.

4. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng nhất đ­ược đảm nhiệm chức danh thuyền tr­ưởng tất cả các loại phương tiện.

5. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được đảm nhiệm chức danh thuyền phó của loại ph­ương tiện được quy định cho chức danh thuyền tr­ưởng cao hơn một hạng; thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng được đảm nhiệm chức danh thuỷ thủ.

6. Đảm nhiệm chức danh máy trưởng:

a) Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy tr­ưởng hạng ba đư­ợc đảm nhiệm chức danh máy trưởng của ph­ương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa.

b) Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy tr­ưởng hạng nhì đ­ược đảm nhiệm chức danh máy trưởng của ph­ương tiện lắp máy trong có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 3000 sức ngựa.

c) Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy tr­ưởng hạng nhất được đảm nhiệm chức danh máy trưởng của tất cả các loại phư­ơng tiện.

7. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng hạng cao hơn được đảm nhiệm chức danh máy trưởng của loại ph­ương tiện được quy định cho chức danh máy tr­ưởng hạng thấp hơn.

8. Thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được đảm nhiệm chức danh máy phó của loại ph­ương tiện được quy định cho chức danh máy tr­ưởng cao hơn một hạng; thuyền viên có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng được đảm nhiệm chức danh thợ máy.

9. Thuyền viên có chứng chỉ thuỷ thủ được đảm nhiệm chức danh thuỷ thủ của các loại phương tiện.

10. Thuyền viên có chứng chỉ thợ máy được đảm nhiệm chức danh thợ máy của các loại phương tiện.

11. Người có chứng chỉ lái phương tiện được trực tiếp điều khiển phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần đến 15 tấn hoặc phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc phương tiện có sức chở đến 12 người hoặc bè.

12. Người điều khiển phương tiện cao tốc, phương tiện đi ven biển, trên biển ngoài giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ theo chức danh, phải có chứng chỉ chuyên môn tương ứng.

13. Người có chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân được đảm nhiệm chức danh và làm việc trên phương tiện thủy nhóm IV, nhóm V, nhóm VI quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6 Điều 14 Thông tư này.

Điều 6. Thuyền trưởng

Thuyền trưởng là người chỉ huy cao nhất trên phương tiện hoặc đoàn phương tiện, có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Quản lý, bảo đảm an toàn về người, phương tiện và tài sản trên phương tiện; nắm vững tình trạng kỹ thuật, thời hạn hoạt động và chu kỳ sửa chữa của phương tiện. Đối với thuyền trưởng phương tiện đi biển và ven biển, phải lập phương án tập luyện về cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng và tổ chức huấn luyện, hướng dẫn việc sử dụng thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng cho thuyền viên mới ngay khi xuống phương tiện; mỗi quý, tổ chức tập luyện về cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng phương tiện ít nhất một lần cho thuyền viên.

2. Quản lý sổ nhật ký hành trình, danh bạ thuyền viên, danh sách cán bộ, chiến sỹ (nếu có) và sổ sách, giấy tờ cần thiết khác của phương tiện, tổ chức việc ghi chép và thường xuyên kiểm tra việc ghi chép sổ sách. Hàng ngày phải ký xác nhận nội dung nhật ký hành trình theo quy định.

3. Tổ chức thực hiện nghiêm túc chế độ điều lệnh Công an nhân dân; chương trình, kế hoạch, lệnh điều động của cấp có thẩm quyền.

4. Tổ chức phân công, giám sát, đôn đốc thuyền viên hoàn thành nhiệm vụ. Trường hợp phương tiện có nhiều hơn một thuyền phó, trách nhiệm của từng thuyền phó do thuyền trưởng phân công cụ thể.

5. Chỉ được thực hiện chuyến đi theo hành trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trừ trường hợp gặp nạn hoặc bất khả kháng.

6. Trong trường hợp phương tiện có nguy cơ bị chìm đắm hoặc bị phá huỷ thuyền trưởng phải tận dụng mọi khả năng cho phép để trước hết tổ chức cứu cán bộ chiến sĩ đang thực hiện nhiệm vụ trên phương tiện, sau đó cứu thuyền viên. Thuyền trưởng phải là người cuối cùng rời phương tiện sau khi đã tìm mọi cách cứu sổ nhật ký hành trình, nhật ký máy và các tài liệu quan trọng khác của phương tiện.

Khi phương tiện có người rơi xuống nước, phải kịp thời áp dụng các biện pháp có hiệu quả để tìm, cứu người bị nạn, đồng thời thông báo cho cơ quan tìm kiếm, cứu nạn hoặc chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn. Nếu phương tiện hoạt động trên biển, phải thông báo cho Trung tâm phối hợp Tìm kiếm cứu nạn hàng hải hoặc Đài Thông tin duyên hải hoặc Cảng vụ hàng hải nơi gần nhất, thông báo cho phương tiện, tàu thuyền khác đang hành trình gần khu vực đó tìm kiếm, cứu nạn; chỉ được phép cho phương tiện rời khỏi khu vực có người rơi xuống nước sau khi đã cố gắng tìm kiếm nhưng xét thấy không còn hy vọng, trừ trường hợp gây nguy hiểm cho phương tiện và những người khác trên phương tiện. Thời gian và các biện pháp đã tiến hành tìm cứu phải được ghi vào nhật ký hành trình.

7. Khi nhận được tín hiệu cấp cứu hoặc khi được cơ quan có thẩm quyền huy động tham gia tìm kiếm, cứu nạn, phải chấp hành lệnh điều động, tổ chức tham gia cứu nạn nếu việc làm này không gây nguy hiểm đối với thuyền viên, cán bộ chiến sĩ đang thực hiện nhiệm vụ trên phương tiện và phương tiện do mình chỉ huy.

8. Phương tiện đang hoạt động nếu có người ốm đau, tai nạn, phải tổ chức sơ cứu cho nạn nhân, nếu nghiêm trọng phải kịp thời đưa đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất.

9. Khi rời phương tiện, phải trực tiếp bàn giao nhiệm vụ cho thuyền phó hoặc người được ủy quyền; trường hợp vắng mặt từ một ca làm việc trở lên, phải bàn giao bằng văn bản; nếu không thể tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ, phải giao quyền chỉ huy cho thuyền phó đồng thời phải báo cáo ngay cho cấp có thẩm quyền.

10. Trường hợp chuyển giao nhiệm vụ cho người khác theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền, phải lập biên bản nêu rõ hiện trạng thuyền viên, trạng thái kỹ thuật phương tiện, trang thiết bị, tài sản, sổ sách, giấy tờ, tài liệu có liên quan của phương tiện. Biên bản bàn giao mỗi bên giữ một bản, gửi báo cáo cấp có thẩm quyền một bản.

11. Tổ chức phân công, thực hiện kê khai các nội dung theo yêu cầu và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền khi phương tiện chuẩn bị cập, rời cảng, bến. Trước khi khởi hành, phải có bảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh trên phương tiện. Trước giờ rời cảng, bến phải kiểm tra, đôn đốc các bộ phận thuyền viên có liên quan chuẩn bị đầy đủ nguyên, nhiên, vật liệu, lương thực, thực phẩm, thuốc men phục vụ chuyến đi; chỉ rời cảng, bến khi phương tiện bảo đảm an toàn, chuẩn bị đầy đủ cho chuyến đi và được phép của cơ quan có thẩm quyền.

12. Trực tiếp phụ trách một ca làm việc, trực tiếp điều khiển phương tiện qua những khu vực nguy hiểm; ngoài giờ đi ca, nếu thuyền phó hoặc máy trưởng đề nghị hoặc khi xảy ra sự cố, tình huống khẩn cấp, sự việc bất thường, thuyền trưởng phải có mặt ở vị trí chỉ huy để kịp thời giải quyết công việc.

13. Thực hiện nhiệm vụ của thuyền phó nếu không có cơ cấu chức danh thuyền phó trên phương tiện.

14. Trong phạm vi trách nhiệm của mình, thuyền trưởng có quyền:

a) Đề nghị thay đổi hoặc không tiếp nhận thuyền viên làm việc trên phương tiện nếu xét thấy không đủ tiêu chuẩn quy định;

b) Buộc thuyền viên rời khỏi phương tiện nếu có những hành vi không chấp hành mệnh lệnh của thuyền trưởng hoặc vi phạm nội quy, quy định khi làm việc;

c) Từ chối cho phương tiện hoạt động nếu xét thấy phương tiện, điều kiện khí hậu, thủy văn, môi trường không đủ điều kiện hoạt động hoặc không đảm bảo an toàn và phải báo cáo với người ra lệnh điều động phương tiện; trường hợp không được chấp nhận thì đề nghị người ra lệnh điều động phương tiện ký vào nhật ký hành trình phương tiện thủy Công an nhân dân.

**Điều 7. Thuyền phó**

Thuyền phó là người giúp việc thuyền trưởng, có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Trực tiếp phụ trách các công việc thuộc bộ phận boong; trực tiếp phụ trách và tổ chức bảo quản, bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị cứu sinh, cứu hỏa, cứu thủng; thường xuyên tổ chức kiểm tra, đảm bảo các trang thiết bị luôn ở trạng thái kỹ thuật tốt, sẵn sàng hoạt động, khi phát hiện có sự cố phải lập tức báo cáo thuyền trưởng.

2. Lập kế hoạch chuyến đi, thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, giám sát thuyền viên thực hiện đúng kế hoạch chuyến đi và nhiệm vụ trực ca, phương tiện mang cấp VR-SB khi hoạt động ven biển phải chuẩn bị đầy đủ hải đồ được cập nhật mới nhất theo quy định, phân công trực ca trình thuyền trưởng duyệt.

3. Kiểm tra điều kiện an toàn của cán bộ, chiến sĩ đang thực hiện nhiệm vụ trên phương tiện trước khi khởi hành; đề nghị thuyền trưởng từ chối khởi hành chuyến đi nếu xét thấy không đảm bảo điều kiện an toàn của người và trang thiết bị trên phương tiện.

4. Cùng với máy trưởng phân công, đôn đốc, hướng dẫn, giám sát các công việc chuẩn bị khởi hành, nếu có thiếu sót phải khắc phục và báo cáo thuyền trưởng.

5. Phụ trách việc tổ chức phục vụ, hướng dẫn cán bộ, chiến sĩ lên, xuống phương tiện, đi lại trên phương tiện và sắp xếp đúng chỗ ngồi, chỗ nằm theo quy định để bảo vệ an toàn cho phương tiện, tài sản trên phương tiện và đảm bảo trật tự, an toàn giao thông, phục vụ ăn uống, sinh hoạt cho cán bộ, chiến sĩ theo quy định.

6. Trực tiếp phụ trách một ca làm việc; trực tiếp điều khiển phương tiện khi được phân công.

7. Thay thế thuyền trưởng quản lý phương tiện khi thuyền trưởng vắng mặt.

8. Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được thuyền trưởng giao.

Điều 8. Thủy thủ

Thủy thủ là người chịu sự lãnh đạo của thuyền trưởng và người phụ trách ca, có trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện các công việc cần thiết cho phương tiện rời bến, cập bến; kiểm tra cầu lên, xuống phương tiện bảo đảm an toàn.

2. Thường xuyên có mặt ở vị trí đã được phân công để sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

3. Trực tiếp điều khiển phương tiện và thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được thuyền trưởng hoặc người phụ trách trực tiếp giao.

Điều 9. Máy trưởng

Máy trưởng là người giúp việc thuyền trưởng, trực tiếp phụ trách bộ phận máy và có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Quản lý, nắm vững tình trạng kỹ thuật hệ thống động lực; tổ chức phân công, giám sát thuyền viên bộ phận máy trong quá trình vận hành; trường hợp phương tiện có nhiều hơn một máy phó, trách nhiệm của từng máy phó do máy trưởng phân công cụ thể.

2. Thực hiện đầy đủ quy định về vận hành máy móc, thiết bị; tổ chức bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa những hạng mục công việc được phép làm của máy móc, thiết bị để bảo đảm hệ thống máy hoạt động có hiệu quả.

3. Trực tiếp phụ trách một ca máy. Ngoài giờ đi ca, khi cần thiết phải có mặt ở buồng máy để kịp thời giải quyết công việc theo yêu cầu của thuyền trưởng hoặc đề nghị của máy phó.

4. Trường hợp xét thấy nếu thi hành lệnh của người chỉ huy trực tiếp trên buồng lái sẽ gây ra hư hỏng bộ phận máy, phải báo cáo cho người phụ trách ca làm việc hoặc thuyền trưởng biết, nếu lệnh đó vẫn giữ nguyên thì phải chấp hành và ghi vào nhật ký máy có xác nhận của người ra lệnh.

5. Được quyền cho đình chỉ hoạt động một bộ phận máy hoặc một hệ thống máy nếu xét thấy không an toàn; trường hợp xét thấy nếu máy tiếp tục hoạt động sẽ gây ra hư hỏng nghiêm trọng hoặc xảy ra tai nạn phải lập tức cho ngừng máy, đồng thời báo ngay cho người phụ trách ca làm việc và thuyền trưởng.

6. Quản lý các hồ sơ, tài liệu kỹ thuật thuộc bộ phận máy và tổ chức ghi chép sổ nhật ký máy; hàng ngày kiểm tra việc ghi chép và ký xác nhận nhật ký máy.

7. Thực hiện nhiệm vụ của máy phó nếu không có cơ cấu chức danh máy phó trên phương tiện.

Điều 10. Máy phó

Máy phó là người giúp việc máy trưởng, có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Bảo đảm sự hoạt động bình thường của các máy phụ (nếu có), hệ thống trục chân vịt và máy lái.

2. Lập kế hoạch công tác của bộ phận máy để máy trưởng duyệt, trực tiếp bố trí công việc, phân công trực ca đối với thuyền viên thuộc bộ phận máy.

3. Trực tiếp phụ trách một ca máy.

4. Trường hợp xét thấy thi hành lệnh của người chỉ huy trực tiếp trên buồng lái sẽ gây ra hư hỏng bộ phận máy phải báo cáo cho người phụ trách ca làm việc hoặc thuyền trưởng biết, nếu lệnh đó vẫn giữ nguyên thì phải chấp hành và ghi vào nhật ký máy có xác nhận của người ra lệnh.

5. Trong ca làm việc, được quyền cho đình chỉ hoạt động một bộ phận máy hoặc một hệ thống máy nếu xét thấy không an toàn; trường hợp xét thấy nếu máy tiếp tục hoạt động sẽ gây ra hư hỏng nghiêm trọng hoặc xảy ra tai nạn phải lập tức cho ngừng máy, đồng thời báo ngay cho người phụ trách ca làm việc, thuyền trưởng và máy trưởng.

6. Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được máy trưởng giao.

Điều 11. Thợ máy

Thợ máy là người chịu sự lãnh đạo của máy trưởng và người phụ trách ca máy, có trách nhiệm sau đây:

1. Trong khi đi ca phải thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đã được phân công; theo dõi các thông số kỹ thuật, tình hình hoạt động của máy, nếu thấy không bình thường phải báo cáo phụ trách ca máy.

2. Thường xuyên làm vệ sinh máy và buồng máy; tham gia bảo dưỡng, sửa chữa theo yêu cầu của máy trưởng.

3. Thực hiện một số nhiệm vụ khác khi được máy trưởng hoặc phụ trách ca máy giao.

Điều 12. Người lái phương tiện, người lái xuồng máy Công an nhân dân có trách nhiệm

1. Quản lý người, phương tiện, tài sản, các giấy tờ có liên quan đến phương tiện do mình lái.

2. Nắm vững tình hình luồng lạch và điều kiện an toàn của cảng, bến nơi phương tiện hoạt động.

3. Kiểm tra phương tiện, các trang thiết bị an toàn cho người và phương tiện. Trước khi khởi hành phải sắp xếp người, hàng hóa đảm bảo phương tiện ổn định, an toàn.

4. Khi xảy ra tai nạn, người lái phương tiện, người lái xuồng máy phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 98d Luật giao thông đường thủy nội địa; phải kịp thời cứu người, phương tiện, hàng hóa và là người cuối cùng rời phương tiện nếu phương tiện bị chìm đắm.

5. Khi nhận được tín hiệu cấp cứu hoặc khi được cơ quan có thẩm quyền huy động tham gia tìm kiếm cứu nạn, phải chấp hành lệnh điều động, tổ chức tham gia cứu nạn nếu việc làm này không gây nguy hiểm đến người, hàng hóa, phương tiện do mình lái.

6. Chịu sự chỉ đạo của lãnh đạo đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng phương tiện.

**Điều 13. Thuyền viên tập sự**

Thuyền viên tập sự chịu sự quản lý của thuyền trưởng. Thuyền viên tập sự ở chức danh nào trên phương tiện phải thực hiện phạm vi trách nhiệm của chức danh đó và có trách nhiệm sau đây:

1. Chấp hành các quy định chung đối với thuyền viên, nội quy, quy trình làm việc trên phương tiện thủy.

2. Tham gia làm việc, sinh hoạt trên phương tiện theo sự phân công, hướng dẫn của thuyền trưởng hoặc máy trưởng hay người được thuyền trưởng hoặc máy trưởng ủy quyền.

3. Chỉ được sử dụng, vận hành máy, trang thiết bị trên phương tiện khi có sự giám sát của người trực tiếp hướng dẫn.

Điều 14. Phân nhóm phương tiện để định biên

1. Nhóm I

a) Phương tiện chở người có sức chở trên 100 ngư­ời;

b) Phư­ơng tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 1000 tấn;

c) Phư­ơng tiện không thuộc loại quy định tại điểm a và b khoản này lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 3000 sức ngựa.

2. Nhóm II

a) Phương tiện chở người có sức chở từ 50 người đến 100 ngư­ời;

b) Phư­ơng tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 500 tấn đến 1000 tấn;

c) Phư­ơng tiện không thuộc loại quy định tại các điểm a và b khoản này lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 250 sức ngựa đến 1000 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính trên 1000 sức ngựa đến 3000 sức ngựa.

3. Nhóm III

a) Phương tiện chở người có sức chở từ 20 người đến 50 ngư­ời;

b) Phư­ơng tiện chở hàng có trọng tải toàn phần đến 500 tấn;

c) Phư­ơng tiện không thuộc loại quy định tại các điểm a và b khoản này lắp máy trong có tổng công suất máy chính trên 100 sức ngựa đến 250 sức ngựa hoặc phương tiện lắp máy ngoài có tổng công suất máy chính đến 1000 sức ngựa.

4. Nhóm IV

Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, có sức chở đến 12 người, do một người điều khiển và không sử dụng bánh lái để chuyển hướng.

5. Nhóm V

Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, có sức chở đến 12 người, do một người điều khiển và không sử dụng bánh lái để chuyển hướng.

6. Nhóm VI

Xuồng máy Công an nhân dân là phương tiện thủy có động cơ tổng công suất máy chính đến 400 sức ngựa, có chiều dài thiết kế đến 15 mét, có sức chở đến 12 người, do một người điều khiển và không sử dụng bánh lái để chuyển hướng.

Điều 15. Biểu định biên thuyền viên

Định biên thuyền viên là quy định số lượng thuyền viên tối thiểu theo chức danh trong một ca làm việc trên phương tiện thủy.

Ca làm việc là thời gian thuyền viên làm việc theo chức danh được phân công trên phương tiện thủy nhưng không vượt quá 08 giờ làm việc trong một ngày.

1. Đối với phương tiện thủy hoạt động trong vùng thủy nội địa.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chức danh thuyền viên | Số lượng thuyền viên tối thiểu trong một ca làm việc (người) |
| Nhóm I | Nhóm II | Nhóm III |
| 1 | Thuyền trưởng | 01 | 01 | 01 |
| 2 | Máy trưởng | 01 | 01 | 01 |
| 3 | Thủy thủ | 02 | 01 | 01 |
| 4 | Thợ máy | 01 | 01 |  |
| Cộng | 05 | 04 | 03 |

1. Phương tiện hoạt động ven biển, trên biển:

Thuyền viên phải có chứng chỉ chuyên môn tương ứng về điều khiển, hoạt động của phương tiện theo quy định của pháp luật hàng hải.

a) Đối với chuyến hành trình có tổng thời gian một ca làm việc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chức danh thuyền viên | Số lượng thuyền viên tối thiểu trong một ca làm việc (người) |
| Nhóm I | Nhóm II | Nhóm III |
| 1 | Thuyền trưởng | 01 | 01 | 01 |
| 2 | Máy trưởng | 01 | 01 | 01 |
| 3 | Thủy thủ | 02 | 01 | 01 |
| 4 | Thợ máy | 01 | 01 |  |
| Cộng | 05 | 04 | 03 |

b) Đối với chuyến hành trình có tổng thời gian vượt quá một ca làm việc nhưng dưới hai ca làm việc phải bố trí như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chức danh thuyền viên | Số lượng thuyền viên tối thiểu trong chuyến hành trình (người) |
| Nhóm I | Nhóm II | Nhóm III |
| 1 | Thuyền trưởng | 01 | 01 | 01 |
| 2 | Thuyền phó | 01 | 01 | 01 |
| 3 | Máy trưởng | 01 | 01 | 01 |
| 4 | Máy phó | 01 | 01 |  |
| 5 | Thủy thủ | 02 | 01 | 01 |
| 6 | Thợ máy | 02 |  |  |
| Cộng | 08 | 05 | 04 |

c) Đối với chuyến hành trình có tổng thời gian vượt quá hai ca làm việc phải bố trí như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chức danh thuyền viên | Số lượng thuyền viên tối thiểu trong chuyến hành trình (người) |
| Nhóm I | Nhóm II | Nhóm III |
| 1 | Thuyền trưởng | 01 | 01 | 01 |
| 2 | Thuyền phó | 02 | 02 | 02 |
| 3 | Máy trưởng | 01 | 01 | 01 |
| 4 | Máy phó | 02 | 01 |  |
| 5 | Thủy thủ | 03 | 02 | 02 |
| 6 | Thợ máy | 03 | 01 |  |
| Cộng | 12 | 8 | 06 |

d) Đối với tàu chỉ huy thuộc nhóm I, có tổng công suất máy chính từ 3000 sức ngựa trở lên, có chuyến hành trình hoạt động ven biển, trên biển đến 30 ngày phải bố trí số lượng thuyền viên tối thiểu như sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chức danh Thuyền viên | Số lượng thuyền viên tối thiểu trong chuyến hành trình |
| 1 | Thuyền trưởng | 01 |
| 2 | Thuyền phó | 02 |
| 3 | Máy trưởng | 01 |
| 4 | Máy phó | 02 |
| 5 | Thuỷ thủ | 05 |
| 6 | Thợ máy | 04 |
| Cộng | 15 |

3. Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính trên 15 sức ngựa, có sức chở đến 12 (mười hai) người

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chức danh | Số lượng |
| 1 | Thuyền trưởng hạng tư | 01 |
| Cộng | 01 |

4. Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa, có sức chở đến 12 (mười hai) người

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chức danh | Số lượng |
| 1 | Người lái phương tiện | 01 |
| Cộng | 01 |

5. Thủ trưởng đơn vị sử dụng phương tiện có trách nhiệm bố trí đủ định biên thuyền viên làm việc trên phương tiện và lập danh bạ thuyền viên theo quy định.

6. Phương tiện thủy Công an nhân dân khi hoạt động trên biển phải chấp hành pháp luật về hàng hải.

Điều 16. Kinh phí

Kinh phí đào tạo, thi, cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện, người lái xuồng máy Công an nhân dân, công tác đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn sử dụng nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

Chương III

ĐÀO TẠO, THI, CẤP CHỨNG CHỈ LÁI XUỒNG MÁY CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 17. Thẩm quyền quản lý và tổ chức đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Cục Cảnh sát giao thông

a) Quản lý công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy; đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy trong Công an nhân dân;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát nội dung chương trình đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy; đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy của Công an các đơn vị, địa phương.

c) Tổ chức đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy, đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy cho cán bộ, chiến sĩ các đơn vị trực thuộc Bộ Công an, các trường Công an nhân dân và Công an địa phương khi có yêu cầu;

2. Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Quản lý công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy, đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân tại địa phương;

b) Đề xuất Giám đốc ra quyết định mở lớp, thành lập Hội đồng thi;

c) Tổ chức đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy, đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy cho cán bộ, chiến sĩ Công an địa phương.

d) Báo cáo kết quả đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy, đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy về Cục Cảnh sát giao thông để theo dõi, quản lý theo quy định.

đ) Trường hợp không đủ điều kiện để thành lập Hội đồng thi theo quy định, tham mưu Giám đốc Công an tỉnh báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông ra quyết định thành lập Hội đồng thi.

3. Các trường Công an nhân dân

a) Tổ chức đào tạo lái xuồng máy cho học viên thuộc đơn vị mình.

b) Kết thúc chương trình đào tạo, tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả của học viên và đề xuất Cục Cảnh sát giao thông thành lập Hội đồng thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy theo quy định.

Điều 18. Chương trình đào tạo, thi cấp chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Thời gian đào tạo

|  |  |
| --- | --- |
| Lý thuyết | 24 giờ |
| Thực hành điều khiển xuồng máy | 10 giờ/người |
| Ôn tập | 1. phút/người
 |

1. Nội dung chương trình đào tạo
2. Lý thuyết

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Tên môn học | Thời gian (giờ) |
| 1 | Một số nội dung cơ bản của Luật Giao thông đường thủy nội địa và hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam | 08 |
| 2 | Xuồng máy và kỹ thuật điều khiển xuồng máy | 08 |
| 3 | Công tác quản lý phương tiện, người điều khiển phương tiện, bảo quản, bảo dưỡng, khắc phục sự cố thường gặp khi sử dụng xuồng máy và công tác làm dây | 06 |
| 4 | Một số kiến thức cơ bản về tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ giao thông đường thủy và điều khiển xuồng máy tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ. | 02 |
| Tổng cộng | 24 |

1. Thực hành điều khiển xuồng máy

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Thời gian tối thiểu /người (giờ) |
| 1 | Điều khiển xuồng máy rời bến | 02 |
| 2 | Điều khiển xuồng máy đi đường trường  | 02 |
| 3 | Điều khiển xuồng máy cặp mạn phương tiện đang hành trình  | 02 |
| 4 | Điều khiển xuồng máy cặp bến cố định  | 02 |
| 5 | Điều khiển xuồng máy tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ. | 02 |
| Tổng cộng | 10 |

1. Thi cấp chứng chỉ lái xuồng máy

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Môn thi | Hình thức thi | Thời gian thi |
| 1 | Lý thuyết | Trắc nghiệm | 20 phút |
| 2 | Điều khiển xuồng máy | Thực hành | 30 phút/người |

Điều 19. Biên soạn, sử dụng tài liệu đào tạo, bộ câu hỏi thi và đáp án

Căn cứ chương trình đào tạo được quy định tại Điều 18 Thông tư này, Cục Cảnh sát giao thông chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức biên soạn, ban hành tài liệu đào tạo, bộ câu hỏi thi và đáp án để sử dụng cho việc đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân; nghiên cứu, xây dựng phần mềm thi lý thuyết lái xuồng máy trên máy vi tính và thực hiện in chứng chỉ lái xuồng máy trên chất liệu nhựa.

Điều 20. Tiêu chuẩn giáo viên, cơ sở vật chất đào tạo, thi cấp chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Tiêu chuẩn giáo viên

a) Đối với giáo viên dạy Luật giao thông đường thủy nội địa và hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam

Có bằng đại học Công an hoặc bằng cử nhân Luật (đối với cán bộ tốt nghiệp ngoài ngành Công an phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân).

 b) Đối với giáo viên dạy kỹ thuật điều khiển xuồng máy, bảo quản, bảo dưỡng xuồng máy, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ giao thông đường thủy và giáo viên dạy thực hành

Có chứng chỉ lái xuồng máy và kinh nghiệm lái xuồng máy Công an nhân dân từ 24 tháng trở lên.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, thi

a) Có phòng học, thi lý thuyết bảo đảm diện tích tối thiểu 0,7m2/người; có thiết bị nghe, nhìn; có hệ thống báo hiệu đường thủy nội địa;

b) Địa điểm học và thi thực hành phải có bến lên, xuống thuận tiện; có bến cố định cho phương tiện cặp mạn; có báo hiệu vùng nước thực hành;

c) Xuồng máy dùng để học và thi

Xuồng có giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; kẻ hoặc gắn số đăng ký.

Điều 21. Đối tượng đào tạo

Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân.

Điều 22. Hồ sơ đăng ký học lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Đơn đề nghị học, thi, cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác (theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này).

2. Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ quan y tế từ cấp huyện hoặc bệnh xá Công an cấp tỉnh trở lên cấp và biết bơi.

3. 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 3cm x 4cm; cán bộ, chiến sĩ mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân, đeo số hiệu, đội mũ kê pi.

Điều 23. Quy định về tổ chức lớp học

1. Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra, rà soát các điều kiện dự học, thi theo quy định.

2. Báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông (đối với lớp học do Cục Cảnh sát giao thông, các trường Công an nhân dân tổ chức đào tạo), Giám đốc Công an cấp tỉnh (đối với các lớp học do địa phương tổ chức đào tạo) ra quyết định mở lớp và tổ chức đào tạo, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập theo chương trình quy định.

Trước 07 ngày khai giảng khóa học, phải có văn bản báo cáo Cục Cảnh sát giao thông: kế hoạch đào tạo, quyết định mở lớp kèm danh sách người học.

3. Kết thúc khoá học:

a) Báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông kết quả học tập của người học và đề nghị tổ chức thi đối với lớp học do Cục Cảnh sát giao thông, các trường Công an nhân dân tổ chức đào tạo.

b) Báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh kết quả học tập của người học và đề nghị tổ chức thi đối với lớp học do địa phương đào tạo.

Những địa phương không đủ điều kiện tổ chức thi phải báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông ra quyết định thành lập Hội đồng thi để tổ chức thi theo quy định.

Điều 24. Trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ dự thi lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Có mặt đúng giờ tại địa điểm thi lái xuồng máy, mặc trang phục đúng điều lệnh Công an nhân dân.

2. Xuất trình Chứng minh Công an nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc thẻ căn cước hoặc căn cước điện tử để vào dự thi lái xuồng máy.

3. Trong thời gian dự thi lái xuồng máy cán bộ, chiến sĩ không được sử dụng tài liệu, điện thoại di động, phương tiện thiết bị truyền tin (thu, phát sóng thông tin, ghi âm, ghi hình) hoặc chứa thông tin để gian lận; trường hợp vi phạm quy định thì bị xem xét, đình chỉ và hủy kết quả thi.

Điều 25. Hội đồng thi chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Hội đồng thi do Cục Cảnh sát giao thông thành lập, gồm:

a) Lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Lãnh đạo Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm Phó Chủ tịch Hội đồng;

c) Giám đốc trung tâm đào tạo, Trưởng khoa Cảnh sát giao thông thuộc các trường trong Công an nhân dân được giao nhiệm vụ đào tạo người điều khiển phương tiện thủy làm ủy viên;

d) Cán bộ Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm thư ký và giám khảo.

2. Hội đồng thi do Cục Cảnh sát giao thông thành lập theo báo cáo đề nghị của Công an địa phương, gồm:

a) Lãnh đạo Cục Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Lãnh đạo Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm Phó Chủ tịch Hội đồng;

c) Lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông Công an địa phương làm ủy viên;

d) Cán bộ Phòng Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương tiện giao thông làm thư ký và giám khảo.

3. Hội đồng thi do Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành lập, gồm:

a) Lãnh đạo Phòng Cảnh sát giao thông làm Chủ tịch Hội đồng;

b) Đội trưởng Đội đăng ký, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ làm Phó Chủ tịch Hội đồng.

c) Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông làm thư ký và giám khảo.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi

a) Phổ biến các quy định về nội quy, kỷ luật thi, nội dung, phương pháp thi; không để người không có nhiệm vụ vào phòng thi lý thuyết và khu vực thi thực hành lái xuồng máy;

b) Kiểm tra và yêu cầu thực hiện các điều kiện bảo đảm tổ chức kỳ thi;

c) Tổ chức việc thi lái xuồng máy theo quy định;

d) Xác nhận kết quả thi lái xuồng máy của cán bộ, chiến sĩ dự thi;

đ) Xem xét giải quyết theo thẩm quyền các trường hợp khiếu nại về việc thi của cán bộ, chiến sĩ dự thi lái xuồng máy;

e) Đình chỉ và hủy kết quả thi đối với cán bộ, chiến sĩ vi phạm nội quy thi lái xuồng máy và thông báo cho cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ, chiến sĩ đó.

5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên trong hội đồng thi:

a) Chủ tịch Hội đồng thi: Trực tiếp chỉ đạo hoặc phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng thi tổ chức thực hiện kỳ thi lái xuồng máy; kết luận, ký biên bản tổng hợp kết quả thi của từng cán bộ, chiến sĩ dự thi; thông qua biên bản tổng hợp kết quả thi lái xuồng máy với các thành viên hội đồng khi kết thúc kỳ thi; đình chỉ và hủy kết quả thi đối với cán bộ, chiến sĩ dự thi vi phạm nội quy thi lái xuồng; tạm dừng việc thi khi xuồng máy không bảo đảm an toàn; xem xét giải quyết khiếu nại về việc thi của cán bộ, chiến sĩ dự thi lái xuồng máy;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng thi: Thực hiện các nhiệm vụ khi được Chủ tịch Hội đồng thi phân công; chịu trách nhiệm tổ chức hội đồng thi lái xuồng máy trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng ủy quyền;

c) Ủy viên Hội đồng thi: Chịu trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ kỳ thi và chịu trách nhiệm về công tác quản lý cán bộ, chiến sĩ trong quá trình thi;

d) Thư ký Hội đồng thi: Thực hiện nhiệm vụ phân công của Chủ tịch Hội đồng thi lái xuồng máy; công bố Quyết định thành lập Hội đồng thi; điểm danh cán bộ, chiến sĩ dự thi trước khi vào thi; kiểm tra điều kiện của cán bộ, chiến sĩ dự thi; tập hợp kết quả thi và biên bản các trường hợp vi phạm nội quy, kỷ luật thi (nếu có) để báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi quyết định; hoàn chỉnh hồ sơ thi để trình ký; bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến kỳ thi cho bộ phận lưu trữ;

đ) Giám khảo: Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thi; chịu trách nhiệm trực tiếp về việc đánh giá kết quả thi của cán bộ, chiến sĩ trên từng nội dung thi; lập biên bản đối với những cán bộ, chiến sĩ vi phạm nội quy, kỷ luật thi (nếu có) và báo cáo Chủ tịch Hội đồng thi.

5. Thành viên Hội đồng thi lái xuồng máy khi thực hiện nhiệm vụ phải mặc trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân và đeo phù hiệu theo quy định.

6. Hội đồng thi lái xuồng máy tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 26. Tiêu chuẩn đối với giám khảo

1. Là sĩ quan nghiệp vụ; có chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân từ 24 tháng trở lên.

2. Đã được Cục Cảnh sát giao thông tập huấn theo nội dung, chương trình (Phụ lục số 01) và cấp giấy chứng nhận giám khảo chấm thi lái xuồng máy Công an nhân dân.

Giấy chứng nhận giám khảo chấm thi lái xuồng máy Công an nhân dân có thời hạn sử dụng 05 năm, kể từ ngày cấp. Trước khi Giấy chứng nhận giám khảo hết hạn hoặc trường bị sai thông tin, bị mất, hỏng người có giấy chứng nhận giám khảo phải báo cáo thủ trưởng đơn vị quản lý để tập hợp, đề nghị Cục Cảnh sát giao thông đổi hoặc cấp lại giấy chứng nhận giám khảo.

Điều 27. Điều kiện dự thi, hình thức, thời gian thực hiện các phần thi và công nhận kết quả thi

1. Điều kiện dự thi

a) Có tên trong danh sách đề nghị thi trùng với tên trong danh sách mở lớp đào tạo lái xuồng máy của cơ sở đào tạo;

b) Có đủ hồ sơ theo quy định tại điều 22 Thông tư này.

2. Hình thức, thời gian thực hiện các phần thi và công nhận kết quả

a) Phần thi lý thuyết thực hiện theo hình thức thi trắc nghiệm; thời gian làm bài không quá 20 phút, trả lời 30 câu hỏi; trả lời đúng từ 26 câu trở lên thì đạt yêu cầu.

b) Phần thi thực hành kỹ năng điều khiển xuồng máy được thực hiện qua 04 bài thi (Phụ lục số 02); thời gian thi tối đa không quá 30 phút, tổng điểm thi tối đa là 100 điểm; cán bộ, chiến sĩ dự thi phải thực hiện đủ các bài thi và đạt từ 80 điểm trở lên thì đạt yêu cầu.

Điều 28. Tổ chức thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Sau khi nhận được đề nghị tổ chức thi và kết quả học tập của cán bộ, chiến sĩ, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Giám đốc Công an cấp tỉnh ra quyết định thành lập Hội đồng thi và chỉ đạo thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

2. Thư ký Hội đồng thi rà soát các điều kiện dự thi của cán bộ, chiến sĩ theo quy định của Thông tư này, báo cáo Chủ tịch Hội đồng duyệt danh sách dự thi.

3. Trình tự tiến hành kỳ thi:

a) Trước khi tiến hành thi, Hội đồng thi họp thống nhất cách thức tiến hành kỳ thi, phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên trong Hội đồng, đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện kỳ thi;

b) Tiến hành thi lý thuyết. Kết thúc phần thi lý thuyết, Hội đồng thi thông qua kết quả thi; cán bộ, chiến sĩ dự thi lý thuyết đạt yêu cầu mới được dự thi thực hành.

c) Tổ chức thi thực hành. Kết thúc phần thi thực hành, thư ký Hội đồng thi tổng hợp kết quả báo cáo Hội đồng thi.

d) Kết thúc kỳ thi, Hội đồng thi báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Giám đốc Công an cấp tỉnh kết quả thi kèm theo danh sách cán bộ, chiến sĩ dự thi đạt yêu cầu.

4. Căn cứ báo cáo của Hội đồng thi, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư này ra quyết định cấp chứng chỉ lái xuồng máy (kèm theo danh sách). Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày thi, cơ quan có thẩm quyền phải cấp chứng chỉ lái xuồng máy cho cán bộ, chiến sĩ dự thi đạt yêu cầu và ghi vào Sổ quản lý chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân (Mẫu số 10).

5. Cán bộ, chiến sĩ dự thi thực hành không đạt yêu cầu được bảo lưu kết quả thi lý thuyết trong thời gian 12 tháng và được tham gia vào kỳ thi do Cục Cảnh sát giao thông hoặc đơn vị, địa phương đó tổ chức.

Điều 29. Chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Cán bộ, chiến sĩ được cấp Chứng chỉ lái xuồng máy với 01 số riêng biệt. Số Chứng chỉ lái xuồng máy gồm 02 nhóm chữ số, cách nhau bằng dấu chấm, cụ thể:

a) Nhóm thứ nhất: Gồm 02 chữ số, ký hiệu tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Phụ lục số 3);

b) Nhóm thứ hai: Gồm 05 chữ số là số thứ tự của Chứng chỉ lái xuồng máy;

c) Cán bộ, chiến sĩ đã được cấp chứng chỉ lái xuồng máy có số theo quy định của các văn bản trước đây, nay có nhu cầu đổi thì được cấp số mới theo quy định tại Thông tư này.

2. Chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân không thời hạn.

Điều 30. Đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân

1. Chứng chỉ lái xuồng máy bị rách, mờ, cũ nát hoặc bị sai thông tin hoặc khi có nhu cầu được đề nghị cấp đổi chứng chỉ lái xuồng máy, hồ sơ gồm:

a) Đơn đề nghị đổi chứng chỉ lái xuồng máy (theo mẫu số 03) có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý;

b) 01 ảnh màu chụp chính diện kiểu chân dung, kích thước 2cm x 3cm, trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân, đeo số hiệu, đội mũ kê pi;

c) Chứng chỉ lái xuồng máy đã được cấp.

2. Cán bộ, chiến sĩ bị mất chứng chỉ lái xuồng máy được đề nghị cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy, hồ sơ gồm:

a) Đơn cam kết chịu trách nhiệm về việc chứng chỉ lái xuồng máy bị mất, không sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật;

b) Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy (theo mẫu số 03) có xác nhận của thủ trưởng đơn vị trực tiếp quản lý;

c) 01 ảnh màu chụp chính diện kiểu chân dung, kích thước 2cm x 3cm, trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân, đeo số hiệu, đội mũ kê pi.

Điều 31. Quản lý hồ sơ

1. Đơn vị đào tạo quản lý và lưu hồ sơ gồm:

a) Kế hoạch đào tạo;

b) Quyết định mở lớp kèm theo danh sách người học;

c) Các tài liệu, sổ sách có liên quan đến việc tổ chức giảng dạy, học tập.

2. Cơ quan cấp chứng chỉ lái xuồng máy quản lý và lưu hồ sơ gồm:

a) Quyết định mở lớp kèm theo danh sách người học;

b) Quyết định thành lập Hội đồng thi;

c) Báo cáo kết quả thi của Hội đồng thi;

d) Quyết định cấp chứng chỉ lái xuồng máy;

đ) Sổ quản lý chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân.

Điều 32. Phụ lục, biểu mẫu sử dụng trong công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân và quản lý thuyền viên làm việc trên phương tiện thủy Công an nhân dân

Ban hành kèm theo Thông tư này các phụ lục, biểu mẫu sử dụng trong công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân và quản lý thuyền viên làm việc trên phương tiện thủy Công an nhân dân như sau:

1. Các phụ lục

a) Chương trình tập huấn cấp giấy chứng nhận giám khảo chấm thi lái xuồng máy Công an nhân dân (Phụ lục số 01);

b) Thi thực hành kỹ năng điều khiển xuồng máy trong Công an nhân dân (Phụ lục số 02);

c) Ký hiệu số chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân quản lý theo địa phương (Phụ lục số 03).

2. Các biểu mẫu

a) Chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 01);

b) Giấy chứng nhận giám khảo chấm thi lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 02);

c) Đơn đề nghị học, thi cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 03);

d) Quyết định về việc mở lớp đào tạo lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 04);

đ) Quyết định thành lập Hội đồng thi lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 05);

e). Biên bản chấm thi lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 06);

g) Quyết định cấp chứng chỉ lái xuồng máy (mẫu số 07);

h) Phù hiệu “Chủ tịch Hội đồng thi lái xuồng máy” (mẫu số 08A);

i) Phù hiệu “Phó Chủ tịch Hội đồng thi lái xuồng máy” (mẫu số 08B);

k) Phù hiệu “Ủy viên Hội đồng thi lái xuồng máy” (mẫu số 08C);

l) Phù hiệu “Thư ký Hội đồng thi lái xuồng máy” (mẫu số 08D);

m) Phù hiệu “Giám khảo chấm thi lái xuồng máy” (mẫu số 08Đ);

n) Túi đựng hồ sơ lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 09);

o) Sổ quản lý chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 10);

p) Thống kê cán bộ, chiến sĩ có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện, người lái xuồng máy Công an nhân dân (mẫu số 11);

q) Danh bạ thuyền viên phương tiện thủy Công an nhân dân (mẫu số 12).

3. Cục Cảnh sát giao thông phối hợp với Viện Khoa học và công nghệ, thống nhất thiết kế, chất lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật biểu mẫu chứng chỉ lái xuồng máy Công an nhân dân, giấy chứng nhận giám khảo. Tổ chức in ấn, quản lý các loại biểu mẫu phục vụ công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy và quản lý thuyền viên làm việc trên phương tiện thủy Công an nhân dân tại Cục Cảnh sát giao thông và đặt in biểu mẫu chứng chỉ lái xuồng máy theo đăng ký của Công an địa phương.

4. Công an địa phương đăng ký với Cục Cảnh sát giao thông đặt in biểu mẫu chứng chỉ lái xuồng máy, còn các biểu mẫu khác tự in, quản lý và sử dụng. Kinh phí in ấn các biểu mẫu được bố trí trong kinh phí của Công an địa phương.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày.... tháng.... năm 2024 và thay thế Thông tư số 46/2016/TT-BCA ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Công an quy định về giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn, chức danh, định biên thuyền viên trên phương tiện thủy và đào tạo, thi, cấp chứng chỉ lái xuồng máy trong Công an nhân dân.

Điều 34. Quy định chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận giám khảo chấm thi lái xuồng máy đã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng theo thời hạn ghi trong giấy chứng nhận.

2. Trường hợp đã tiếp nhận hồ sơ, đang thực hiện đào tạo lái xuồng máy nhưng chưa kết thúc khóa học, khi Thông tư này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện đào tạo theo quy định tại Thông tư số 46/2016/TT-BCA. Việc thi và cấp chứng chỉ lái xuồng máy được thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Thông tư được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Công an các đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ Công an; Giám đốc Học viện, Hiệu trưởng trường Công an nhân dân; Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để có hướng dẫn kịp thời./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:* | BỘ TRƯỞNG |
| - Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an; - Các học viện, trường Công an nhân dân;- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; - Lưu: VT, C08, X02, V03. | Thượng tướng Lương Tam Quang |